

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		3,026,800,775,333	2,920,074,712,113
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	754,815,297,006	450,501,664,604
1. Tiền	111		454,815,297,006	420,501,664,604
2. Các khoản tương đương tiền	112		300,000,000,000	30,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	498,717,696,264	476,066,011,734
1. Đầu tư ngắn hạn	121		501,172,622,840	479,236,770,751
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,454,926,576)	(3,170,759,017)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		945,509,748,712	1,192,396,234,560
1. Phải thu khách hàng	131		734,331,226,859	721,455,378,551
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	375,868,942,338	333,154,676,524
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	358,462,284,521	388,300,702,027
2. Trả trước cho người bán	132		10,956,591,231	7,430,570,087
3. Các khoản phải thu khác	135	9	241,478,947,537	504,517,142,995
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(41,257,016,915)	(41,006,857,073)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		67,492,410,578	61,251,509,501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	59,519,900,890	53,396,706,197
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		49,107,047,617	49,994,885,421
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		10,412,853,273	3,401,820,776
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,843,883,414	1,705,167,417
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	5,128,626,274	6,149,635,887
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	760,265,622,773	739,859,291,714
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		461,518,133,725	424,816,344,062
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		298,747,489,048	315,042,947,652
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		792,752,019,936	818,933,278,995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,058,231,374	13,411,594,192
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	13,058,231,374	13,411,594,192
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		6,058,231,374	6,411,594,192
II. Tài sản cố định	220		6,923,299,195	7,564,163,702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3,853,924,555	4,232,703,752
Nguyên giá	222		22,289,081,815	22,289,081,815
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,435,157,260)	(18,056,378,063)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,069,374,640	3,331,459,950
Nguyên giá	228		7,064,854,959	7,064,854,959
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,995,480,319)	(3,733,395,009)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	748,438,876,674	783,438,876,674
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		748,438,876,674	783,438,876,674
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		24,331,612,693	14,518,644,427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24,331,612,693	14,518,644,427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3,819,552,795,269	3,739,007,991,108

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

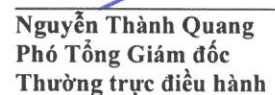
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu số B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,742,439,621,979	2,665,978,859,870
I. Nợ ngắn hạn	310		2,684,687,110,232	2,622,534,556,236
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		575,959,441,413	417,067,202,252
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	565,505,692,466	414,130,228,505
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		10,453,748,947	2,936,973,747
3. Người mua trả tiền trước	313		5,695,695,563	4,962,810,268
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	11,910,532,361	16,915,329,610
5. Phải trả người lao động	315		23,645,267,971	56,076,034,465
6. Chi phí phải trả	316		99,454,401	108,954,044
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	10,590,976,825	8,424,697,824
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	129,208,596,894	133,239,429,733
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8,534,951	8,534,951
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	1,927,568,609,853	1,985,731,563,089
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,212,303,834,894	1,243,304,655,032
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		608,240,474,099	638,290,134,566
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		107,024,300,860	104,136,773,491
II. Nợ dài hạn	330		57,752,511,747	43,444,303,634
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		57,751,511,747	43,443,303,634
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,077,113,173,290	1,073,029,131,238
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,077,113,173,290	1,073,029,131,238
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		14,312,998,397	14,108,796,294
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62,800,174,893	58,920,334,944
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,819,552,795,269	3,739,007,991,108


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023***MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	436,393,560,404	573,275,545,997
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	11,837,076,940	24,346,629,570
3. Thu nhập khác	13	515,653,235	290,359,697
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	387,595,411,993	518,219,118,295
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	(641,337,162)	7,428,926,934
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	56,658,312,127	53,104,504,804
7. Chi phí khác	24	28,851,956	41,572,815
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	5,105,051,665 0	19,118,412,416 0
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4,084,042,052	16,293,942,152

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	573,979,795,758	685,439,449,236
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		534,174,787,412	656,719,026,061
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		8,804,188,208	5,556,958,483
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(31,000,820,138)	(23,163,464,692)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	217,491,391,253	168,482,473,759
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		254,193,180,916	174,593,698,045
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		36,701,789,663	6,111,224,286
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		356,488,404,505	516,956,975,477
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		79,905,155,899	56,318,570,520
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		54,574,014,155	56,275,551,185
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		25,331,141,744	43,019,335
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		436,393,560,404	573,275,545,997
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		254,754,488,940	143,582,929,131
- Tổng chi bồi thường	11.1		254,754,488,940	48,201,750,883
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		91,171,851,845	48,201,750,883
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(30,049,660,467)	91,701,941,968
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(16,295,458,604)	34,248,933,361
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	149,828,435,232	152,834,186,855
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		2,887,527,369	4,872,808,784
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	234,879,449,392	360,512,122,656
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		22,153,725,226	26,637,540,958
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		212,725,724,166	333,874,581,698
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		387,595,411,993	518,219,118,295
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		48,798,148,411	55,056,427,702

5

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 03a-DNPNT**Số liệu Quý 1**

CHỈ TIÊU	Mã số		Số liệu Quý 1	
			Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1	878,539,299,808	822,229,886,505
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	2	(479,074,301,839)	(631,111,189,505)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	3	(95,664,426,402)	(111,566,508,267)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	5	-	(732,307,172)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6	2,087,870,523	12,292,486,299
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	7	(47,680,834,340)	(50,045,676,085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20	258,207,607,750	41,066,691,775
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	21	(225,610,000)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	23	(112,000,000,000)	(13,000,044,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24	90,000,000,000	79,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	25	-	(438,751,629,550)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26	64,832,090,000	269,024,100,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27	3,570,031,536	176,225,746,498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30	46,176,511,536	72,498,172,948
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	36	(16,022,370)	(5,378,949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40	(16,022,370)	(5,378,949)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	50	304,368,096,916	113,559,485,774
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	60	450,501,664,604	220,739,121,164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	61	(54,464,514)	1,633,913
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	70	754,815,297,006	334,300,240,851


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngNguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 1.671 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.694 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và năm mươi một (51) đơn vị trực thuộc, bao gồm 50 Công ty thành viên (VNI Hà Nội, VNI Thành phố Hồ Chí Minh, VNI Đà Nẵng, VNI Nghệ An, VNI Hải Phòng, VNI Hải Dương, VNI Tây Nguyên, VNI Nam Hồng Hà, VNI Thăng Long, VNI Quảng Ninh, VNI Đông Đô, VNI Quảng Bình, VNI Bắc Giang, VNI Thanh Hóa, VNI Vĩnh Phúc, VNI Bình Định, VNI Đông Nam Bộ, VNI Sài Gòn, VNI Khánh Hòa, VNI Nam Tây Nguyên, VNI Quảng Ngãi, VNI Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Tây Bắc, VNI Tràng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; VNI Huế; VNI Duyên Hải; VNI Bình Dương; VNI Âu Lạc; VNI Gia Định; VNI Kinh Đô; VNI Vạn Xuân; VNI Hà Tuyên; VNI Lâm Đồng; VNI Nam Định; VNI Phú Thọ; VNI Tiền Giang; VNI Bắc Ninh, VNI Quảng Nam, VNI Thái Nguyên, VNI Bình Phước, VNI Kỹ Thuật Số và Văn phòng đại diện Miền Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2023
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn*

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- *Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4,522,270,042	3,292,959,184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	450,293,026,964	416,990,179,099
Tiền đang chuyển	-	218,526,321
Các khoản tương đương tiền (i)	300,000,000,000	30,000,000,000
	754,815,297,006	450,501,664,604

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số đầu năm Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	501,172,622,840	(2,454,926,576)	479,236,770,751	(3,170,759,017)
a) Chứng khoán kinh doanh	7,172,622,840	(2,454,926,576)	7,236,770,751	(3,170,759,017)
- Tổng giá trị cổ phiếu	7,172,622,840	(2,454,926,576)	7,236,770,751	(3,170,759,017)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	494,000,000,000	-	472,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	494,000,000,000	-	472,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	748,438,876,674	-	783,438,876,674	-
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	36,990,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	36,990,000,000	-
b) Đầu tư dài hạn khác	746,448,876,674	-	746,448,876,674	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	746,448,876,674	-	746,448,876,674	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	103,096,784,170	110,187,664,362
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	96,934,166,110	102,748,256,607
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	6,162,618,060	7,439,407,755
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	16,980,095,338	10,475,082,460
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	250,450,859,456	206,140,389,980
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	3,785,829,062	4,995,953,504
d) Phải thu khác	1,338,817,444	1,355,586,218
	375,868,942,338	333,154,676,524

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	320,102,385,200	349,934,475,200
Phải thu khác	-	6,327,506
	358,462,284,521	388,300,702,027

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	241,478,947,537	504,517,142,995
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	118,000,000	118,000,000
Tạm ứng	64,045,616,980	37,715,327,451
Phải thu ngắn hạn khác	177,315,330,557	466,683,815,544
b) Dài hạn	13,058,231,374	13,411,594,192
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	6,058,231,374	6,411,594,192
	254,537,178,911	517,928,737,187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	980,703,285	539,150,917	293,022,519	1,014,351,611	2,827,228,332
Phải thu tái bảo hiểm	181,380,315	124,791,269	4,763,687	190,249,534	501,184,805
Nợ khác				803,469,932	803,469,932
Cộng	1,162,083,600	663,942,186	297,786,206	2,008,071,077	4,131,883,069

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2023.

	31/3/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	42,491,782,390	41,257,016,915	42,378,479,747	41,006,857,073
Công ty cổ phần Sóng Đà - Tháng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	4,131,883,069	2,897,117,594	4,018,580,426	2,646,957,752

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Đầu năm đến hết	Năm 2022
	Quý 1/2023	
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	49,994,885,421	49,994,885,421
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	9,778,871,484	65,470,957,360
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	10,666,709,288	65,470,957,360
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	49,107,047,617	49,994,885,421
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10,412,853,273	3,401,820,776
	59,519,900,890	53,396,706,197

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**TÁI BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	461,518,133,725	424,816,344,062
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	298,747,489,048	315,042,947,652
	760,265,622,773	739,859,291,714

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	5,821,411,775	16,467,670,040	22,289,081,815
Mua sắm mới	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5,821,411,775	16,467,670,040	22,289,081,815
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	3,844,188,834	14,212,189,229	18,056,378,063
Trích khấu hao	148,677,959	230,101,238	378,779,197
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3,992,866,793	14,442,290,467	18,435,157,260
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1,977,222,941	2,255,480,811	4,232,703,752
Tại ngày cuối kỳ	1,828,544,982	2,025,379,573	3,853,924,555

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	7,064,854,959	7,064,854,959
Tăng do mua sắm	-	-
Số dư cuối kỳ	7,064,854,959	7,064,854,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	3,733,395,009	3,733,395,009
Trích khấu hao	262,085,310	262,085,310
Số dư cuối kỳ	3,995,480,319	3,995,480,319
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	3,331,459,950	3,331,459,950
Tại ngày cuối kỳ	3,069,374,640	3,069,374,640

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	481,300,422,200	352,103,295,489
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	8,364,704,453	5,098,545,197
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	33,116,212,492	27,630,619,774
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	10,970,212,816	11,929,787,010
e) Phải trả khác	31,754,140,505	17,367,981,035
	565,505,692,466	414,130,228,505

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Các khoản phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,128,626,274	6,149,635,887
Cộng	5,128,626,274	6,149,635,887

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	11,564,549,471	15,320,237,249
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	160,296,460	967,540,706
Thuế nhà thầu nước ngoài	65,294,703	109,221,513
Thuế, phí phải nộp khác	120,391,727	518,330,142
	11,910,532,361	16,915,329,610

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023 VND	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022 VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	133,239,429,733	133,239,429,733
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	25,684,073,202	109,669,117,366
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(29,714,906,041)	(109,669,117,366)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	129,208,596,894	133,239,429,733
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả bảo hiểm xã hội	65,321,516	19,784,610
Phải trả bảo hiểm y tế	18,224,652	9,021,599
Phải trả kinh phí công đoàn	1,893,493,787	1,289,274,073
Phải trả các cổ đông	3,551,480,565	3,568,039,495
Phải trả khác	5,062,456,305	3,538,578,047
	10,590,976,825	8,424,697,824

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	608,240,474,099	298,747,489,048	309,492,985,051
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	526,102,383,170	270,981,076,784	255,121,306,386
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	82,138,090,929	27,766,412,264	54,371,678,665
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,212,303,834,894	461,518,133,725	750,785,701,169
Cộng	1,820,544,308,993	760,265,622,773	1,060,278,686,220
Trong đó chi tiết:			

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2023		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	638,290,134,566	315,042,947,652	323,247,186,914
Số trích lập trong kỳ	(30,049,660,467)	(16,295,458,604)	(13,754,201,863)
Số dư cuối kỳ	608,240,474,099	298,747,489,048	309,492,985,051

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2023		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,243,304,655,032	424,816,344,062	818,488,310,970
Số trích lập trong kỳ	(31,000,820,138)	36,701,789,663	(67,702,609,801)
Số dư cuối kỳ	1,212,303,834,894	461,518,133,725	750,785,701,169

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Năm 2022
Số dư đầu kỳ	104,136,773,491	84,028,479,444
Số trích lập thêm trong kỳ	2,887,527,369	20,108,294,047
Số dư cuối kỳ	107,024,300,860	104,136,773,491

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Số dư tại ngày 01/01/2022	1,000,000,000,000	13,070,883,929	39,204,400,920	1,052,275,284,849
Tăng vốn trong kỳ		-	-	200,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	20,758,247,308	20,758,247,308
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,037,912,365	(1,037,912,365)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4,400,919)	(4,400,919)
Số dư tại ngày 31/12/2022	1,000,000,000,000	14,108,796,294	58,920,334,944	1,073,029,131,238

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số dư tại ngày 01/01/2023	1,000,000,000,000	14,108,796,294	58,920,334,944	1,073,029,131,238
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	4,084,042,052	4,084,042,052
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	204,202,103	(204,202,103)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	1,000,000,000,000	14,312,998,397	62,800,174,893	1,077,113,173,290

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	534,636,658,035	657,131,493,802
Bảo hiểm hàng không	-	2,030,032,530
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	42,530,974,989	110,941,989,633
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	17,625,157,690	18,651,550,900
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	11,455,353,361	11,472,021,351
Bảo hiểm xe cơ giới	406,464,262,349	458,929,427,295
Bảo hiểm cháy nổ	40,663,738,669	40,381,821,877
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	12,133,701,474	12,968,123,222
Bảo hiểm trách nhiệm chung	3,343,173,355	1,636,623,994
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	420,296,148	119,903,000
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(461,870,623)	(412,467,741)
Phí nhận tái bảo hiểm	8,813,978,713	5,563,116,283
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	2,804,957,424	2,660,877,524
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	2,630,173,288	1,953,307,377
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	763,523,594	115,079,607
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy nổ	2,259,243,593	583,810,126
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	(4,229)	190,556,180
Bảo hiểm trách nhiệm chung	336,009,217	7,149,450
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	20,075,826	52,336,019
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(9,790,505)	(6,157,800)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	31,000,820,138	23,163,464,692
	573,979,795,758	685,439,449,236

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	254,193,180,916	174,593,698,045
Bảo hiểm hàng không	-	1,995,058,947
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	30,304,933,751	6,469,259,713
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	11,390,553,496	9,445,851,412
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	5,223,839,150	7,573,776,706
Bảo hiểm xe cơ giới	165,743,555,342	109,964,766,596
Bảo hiểm cháy nổ	30,580,190,658	29,580,465,606
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	8,980,622,216	8,779,867,981
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,606,012,389	654,881,868
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	363,473,914	129,769,216
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(36,701,789,663)	(6,111,224,286)
	217,491,391,253	168,482,473,759

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	254,754,488,940	143,582,929,131
Bảo hiểm hàng không	4,997,820	2,439,602
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	18,697,745,518	10,528,044,607
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	4,375,157,279	1,369,604,562
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	(982,713,721)	6,350,021,628
Bảo hiểm xe cơ giới	221,298,284,378	121,501,264,923
Bảo hiểm cháy nổ	5,634,062,482	919,986,741
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	4,345,070,181	2,384,860,836
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,381,885,003	526,706,232
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(91,171,851,845)	(48,201,750,883)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(30,049,660,467)	91,701,941,968
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16,295,458,604	(34,248,933,361)
	149,828,435,232	152,834,186,855

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	22,153,725,226	26,637,540,958
Chi đòi người thứ ba	-	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	9,230,158	-
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	-	-
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	333,562,859	307,780,168
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	163,093,349,123	235,263,533,367
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	48,557,653,957	98,067,542,810
Chi khác	731,928,069	235,725,353
	234,879,449,392	360,512,122,656

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,453,365,775	6,534,969,896
Lãi kinh doanh chứng khoán	17,902,089	6,762,975,248
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	151,300,000	5,036,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	(4,677,783)	94,876,207
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,219,186,859	5,917,808,219
	11,837,076,940	24,346,629,570

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(715,832,441)	(1,884,616,046)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	288,487	9,255,096,874
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	74,206,792	58,446,106
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	-
	(641,337,162)	7,428,926,934

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	35,804,777,627	34,624,472,607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,563,726,416	14,006,733,433
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	246,570,214	(1,729,136,137)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	640,864,507	708,205,179
Chi phí dụng cụ văn phòng	3,196,367,625	4,243,332,820
Chi phí vật liệu quản lý	638,937,067	779,358,746
Thuế, phí và lệ phí	34,456,000	262,585,020
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	122,444,446	
Chi phí quản lý khác	410,168,225	208,953,136
	56,658,312,127	53,104,504,804

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ đầu năm đến hết Quý 1/2023	Từ đầu năm đến hết Quý 1/2022
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	5,105,051,665	19,118,412,416
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(151,300,000)	(5,037,633,913)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	151,296,402	41,572,815
Thu nhập chịu thuế	5,105,048,067	14,122,351,318
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1,021,009,613	2,824,470,264


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

 Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2023